

Số: 262/QĐ-UBND

Krông pa, ngày 25 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao dự toán chi Ngân sách Nhà nước cho các đơn vị  
sử dụng ngân sách huyện năm 2019

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Thực hiện Quyết định số: 609/QĐ - UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh về giao dự toán thu - chi ngân sách năm 2019 cho các huyện, thành phố, thị xã;

Thực hiện Nghị quyết số: 52/NQ – HĐND ngày 24/12/2018 của HĐND huyện khóa XI, kỳ họp thứ bảy về phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2019;

Xét Tờ trình số: 312/TTr – TCKH ngày 24/12/2018 của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quyết định giao dự toán chi Ngân sách Nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách huyện năm 2019 số tiền: 187.243.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu đồng*).

(*Có danh sách kèm theo*)

**Điều 2.** Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành tổ chức lập dự toán chi Ngân sách Nhà nước theo đúng Luật ngân sách, ND 16/2015/ND - CP và các thông tư hướng dẫn. Sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

- Dự toán chi ngân sách phải bố trí tối thiểu 5% tổng chi thường xuyên (*trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*) trong dự toán để cân đối mua sắm và sửa chữa nhỏ tài sản, trang bị cho đơn vị theo đúng tiêu chuẩn và định mức quy định.

- Dự toán chi ngân sách năm 2019 đã tính đủ nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ theo quy định của Nhà nước tại thời điểm 31/10/2018.

- Giữ lại 10% tiết kiệm chi thường (*trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*) trong dự toán ở ngân sách cấp huyện để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019.

- Phòng Tài chính – KH thẩm định dự toán và quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị sử dụng ngân sách huyện theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các đơn vị có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND Huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND Huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VT.





**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019**

Chi thường xuyên: Sự nghiệp Giáo dục

(Kèm theo quyết định số: 26/QĐ - UBND ngày 25 tháng 12 năm 2018 của UBND Huyện)



Số	Đơn vị	Tổng Dự toán giao năm 2019	Thực hiện chế độ tự chủ	Thực hiện chế độ không tự chủ	Chi học bổng học sinh DTNT theo thông tư 43/2017/TTLT-BTC-BGDĐT	Chi công tác xóa mù phổ cập tiểu học, THCS	Chi mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo TLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	Hỗ trợ cho sinh viên cao đẳng, trung cấp theo QĐ số 53/2015/QĐ-TTg	Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở Giáo dục đại học	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa	Nhu cầu kinh phí học sinh bán trú theo ND 116/2016/ND-CP	Ghi chú
1	2	3=4+5	4	5=6+.....+11 +12	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Phòng lao động - TBXH	302		302				227	75			Tổng nhu cầu 302tr, cấp đợt 1: 146tr
2	Phòng giáo dục	42.992	39.246	3.747		630	754			2.217	146	Cấp 80% số với nhu cầu 2019
3	Các trường tự chủ	138.145	128.474	9.671	2.298	-	-	-	-	3.783	3.590	
3.1	Trường mẫu giáo xã Ia Rсай	2.511	1.984	527						527		
3.2	Trường mẫu giáo xã Uar	2.049	1.655	394						394		
3.3	Trường mẫu giáo Ia Rmok	3.066	2.636	430						430		
3.4	Trường mẫu giáo xã Chư Gu	3.410	2.914	496						496		
3.5	Trường mẫu giáo xã Phú Cán	2.214	1.845	369						369		
3.6	Trường mầm non bán trú	2.867	2.845	22						22		
3.7	Trường mẫu giáo xã Ia Rsuom	3.483	2.916	567						567		
3.8	Trường mẫu giáo xã Chư Dráng	2.420	1.942	478						478		
3.9	Trường Mẫu Giáo xã Chư RCăm	2.524	2.200	324						324		
3.10	Trường mẫu giáo Ia Mlah	1.566	1.389	177						177		
3.11	Trường tiểu học Nguyễn tất Thành	4.126	4.126	-								
3.12	Trường tiểu học Trần Quốc Toản	5.806	5.806	-								
3.13	Trường tiểu học số 1 Phú Túc	4.235	4.235	-								
3.14	Trường tiểu học xã Ia Mlah	3.794	3.794	-								
3.15	Trường tiểu học xã Uar	4.314	4.314	-								
3.16	Trường tiểu học Nay Der	4.468	4.468	-								
3.17	Trường tiểu học xã Chư Gu	6.215	6.215	-								
3.18	Trường tiểu học xã Chư Ngọc	5.233	5.233	-								
3.19	Trường tiểu học xã Krông Năng	6.496	5.740	756								
3.20	Trường tiểu học xã Ia Rmok	6.634	6.634	-								
3.21	Trường Tiểu học xã Đát Bằng	4.856	4.856	-							756	
3.22	Trường Tiểu học Chư Rcăm	5.067	5.067	-								

Số	TT	Tổng Dự toán giao năm 2019	Thực hiện chế độ tự chủ	Thực hiện chế độ không tự chủ	Chi học bổng học sinh DTNT theo thông tư 43/2017/TTLT-BTC-BGDĐT	Chi công tác xóa mù phổ cập tiểu học, THCS	Chi mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo TLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	Hỗ trợ cho sinh viên cao đẳng, trung cấp theo QĐ số 53/2015/QĐ-TTg	Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở Giáo dục đại học	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa	Nhu cầu kinh phí học sinh bán trú theo ND 116/2016/ND-CP	Ghi chú
3.23	Trường tiểu học xã Ia Rsaí	4.010	4.010	-								
3.24	Trường THCS Lương Thế Vinh	3.677	3.677	-								
3.25	Trường THCS Ngô Quyền	3.424	3.424	-								
3.26	Trường THCS Kpá Klông	3.328	3.328	-								
3.27	Trường THCS Lê Hồng Phong	3.113	3.113	-								
3.28	Trường THCS Dân tộc nội trú	5.230	2.932	2.298	2.298						570	
3.29	Trường THCS Lê Quý Đôn	5.121	4.551	570							1.333	
3.30	Trường PTDT bán trú THCS Ia Rsaí	4.940	3.607	1.333								
3.31	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	5.827	5.827	-								
3.32	Trường THCS Lý Tự Trọng	4.144	4.144	-								
3.33	Trường THCS Nguyễn Huệ	4.556	3.625	931							931	
3.34	Trường THCS Nguyễn Trãi	3.421	3.421	-								
<b>Tổng cộng</b>		<b>181.440</b>	<b>167.720</b>	<b>13.720</b>	<b>2.298</b>	<b>630</b>	<b>754</b>	<b>227</b>	<b>75</b>	<b>6.000</b>	<b>3.736</b>	

Ghi chú: - Quỹ lương và các khoản phụ cấp của cán bộ có mặt đến 31/10/2018 đã được phân bổ đủ theo mức lương tối thiểu 1.390.000 đ. Từ nguồn dự toán sự nghiệp, nguồn 10% tiết kiệm chi thường xuyên và nguồn tinh sung để thực hiện cải cách tiền lương.

- Dự toán giao cho các đơn vị thực hiện năm 2019 đã trừ 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương chung của huyện.